SAO Y; Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Oai
27/09/2022 14:04:27

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH OAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1925 /UBND-TCKH V/v thực hiện triển khai thu học phí và các khoản thu khác thực hiện trong năm học 2022-2023 tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập	*Thanh Oai, ngày 27 tháng 9 năm 2022*

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Trung tâm GDNN-GDTX;
- Các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc huyện quản lý.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2020 của HĐND Thành phố Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 (Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 (Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội (Trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

Sau khi xem xét đề nghị của liên ngành: Tài chính – Kế hoạch và Giáo dục & Đào tạo tại Văn bản số 31/TTrLN:TCKH-GD&ĐT ngày 22/9/2022 về việc thực hiện triển khai thu học phí và các khoản thu khác theo Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND thực hiện trong năm học 2022-2023 tại các cơ sở giáo dục

mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn huyện Thanh Oai (Trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

UBND huyện Thanh Oai chỉ đạo như sau:

1. Về công tác thu học phí năm học 2022-2023

Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND quy định mức thu học phí năm học 2022-2023, cụ thể:

a. Mức thu học phí

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục tiểu học công lập):

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

**** Lưu ý:***

Trong trường hợp sau thời điểm Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của UBND Thành phố Hà Nội có hiệu lực, Chính phủ ban hành quy định về việc giữ nguyên mức học phí năm học 2022-2023 bằng mức học phí năm học 2021-2022: Mức thu học phí năm học 2022-2023 sẽ được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội năm học 2021-2022.

b. Quy định về thời gian thu học phí

Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của UBND Thành phố Hà Nội, cụ thể:

+ Đối với các tháng có thời gian học cả tháng theo hình thức học trực tiếp hoặc hình thức học trực tuyến (online): Áp dụng mức học phí của tháng đó theo mức đã được quy định tương ứng theo hình thức học và vùng của cấp học.

+ Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến (online): Căn cứ thời gian học tập thực tế của học sinh tại đơn vị để áp dụng mức học phí của tháng đó, trường hợp thời gian học tập thực tế theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tiếp; trường hợp thời gian học tập thực tế theo hình thức học trực tuyến (online) từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tuyến (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) và mức học phí tương ứng đã được quy định đối với vùng của cấp học.

+ Tổng thời gian thu học phí (theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến) phải đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí trong năm không vượt quá 9 tháng/năm.

2. Đối với các khoản thu khác thực hiện trong năm học 2022-2023

Thống nhất mức thu đối với các khoản thu thỏa thuận của từng Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện năm học 2022-2023 theo các Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành

phố Hà Nội; số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 về việc ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội (Trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của UBND thành phố Hà Nội, gồm các khoản thu:

Phục vụ bán trú (gồm: Tiền ăn, chăm sóc bán trú, trang thiết bị bán trú); Học phẩm; Nước uống; Dạy thêm, học thêm; Học 02 buổi/ngày thực hiện trong năm học 2022-2023 tại 26 trường Mầm non, 24 trường Tiểu học; 21 trường Trung học cơ sở và 01 Trung tâm GDNN-GDTX thuộc huyện (Tổng số 71 trường và 01 Trung tâm).

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm)

3. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo, hướng dẫn các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung tâm GDNN-GDTX công lập thuộc huyện quản lý triển khai thực hiện nghiêm túc thu, chi học phí, các khoản thu thỏa thuận khác năm học 2022-2023 theo quy định. Chỉ được tiến hành thu các khoản thu khác được UBND huyện thống nhất trong văn bản này. Mức thu tối đa không quá mức thu được UBND huyện phê duyệt, các đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về các khoản thu, chi tại đơn vị. Tuyệt đối nghiêm cấm thực hiện lợi dụng danh nghĩa Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện các khoản thu ngoài quy định.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thu chi trong năm học tại các đơn vị trường học, cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện, kịp thời chấn chỉnh tình trạng lạm thu, thu trái quy định; tham mưu, báo cáo UBND huyện xử lý nghiêm, kịp thời đối với Hiệu trưởng nhà trường thực hiện thu không đúng quy định.

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị nhà trường xây dựng dự toán chi tiết thu, chi cụ thể của từng khoản thu, đồng thời xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, họp thống nhất hội đồng sư phạm nhà trường trước khi ban hành để làm cơ sở điều hành triển khai thực hiện đối với từng khoản thu, tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị. Không dùng khoản thu này để điều chuyển hoặc chi cho mục đích khác.

UBND huyện Thanh Oai yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH(Luyện, 05b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khánh Bình

PHỤ LỤC 01

Mức học phí thực tế học sinh phải nộp đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, các Trung tâm GDNN-GDTX công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

(Không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

(Kèm theo Văn bản số: 1925 /UBND-TCKH ngày 27 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Thanh Oai)

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Cấp học	Mức thu học phí năm học 2022-2023			
		Học sinh theo học tại các CSGD trên địa bàn thị trấn		Học sinh theo học tại các CSGD trên địa bàn các xã	
		Trong thời gian h/s theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian h/s học trực tuyến (Online) (75%)	Trong thời gian h/s theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian h/s học trực tuyến (Online) (75%)
A	**Đối với học sinh thuộc diện phải đóng 100% học phí (không thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí theo quy định)**				
	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	109.000	82.000	48.000	36.000
	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	78.000	59.000	38.000	29.000
B	**Đối với học sinh đã được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP**				
	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	33.000	25.000	15.000	11.000

	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	24.000	18.000	12.000	9.000
C	**Đối với học sinh đã được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP**				
	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	55.000	41.000	24.000	18.000
	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	39.000	29.000	19.000	14.000

Phụ lục 02

MỨC THU CÁC KHOẢN THU KHÁC THỰC HIỆN NĂM HỌC 2022-2023
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THANH OAI

(Kèm theo văn bản số 1925/UBND-UBND ngày 27 / 9 /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Thu phục vụ bán trú			Thu học phẩm (đồng/học sinh/năm)	Thu nước uống (đồng/học sinh/tháng)	Thu học buổi 2/ngày (đồng/học sinh/tháng)	Thu dạy thêm, học thêm (đơn vị nào đăng ký đánh dấu "X" vào cột này)	Ghi chú
		Tiền ăn (đồng/học sinh/ngày)	Chăm sóc bán trú (đồng/học sinh/tháng)	Trang thiết bị phục vụ bán trú (đồng/học sinh/năm)					
	Khối : Trường Mầm non								
1	Mầm Non Cự Khê	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
2	Mầm Non Bích Hòa	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
3	Mầm Non Bình Minh I	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
4	Mầm Non Bình Minh II	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
5	Mầm Non Thanh Cao	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
7	Mầm Non Cao Viên	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
7	Mầm Non Cao Viên II	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
8	Mầm Non Tam Hưng A	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
9	Mầm Non Tam Hưng B	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
10	Mầm Non Thanh Thùy	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
11	Mầm Non Mỹ Hưng	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
12	Mầm Non Thanh Mai	25.000	150.000	150.000	150.000	10.000			
13	Mầm Non Kim An	23.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
14	Mầm Non Kim Thư	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
15	Mầm Non Phương Trung I	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
16	Mầm Non Phương Trung II	25.000	150.000	150.000	150.000	10.000			
17	Mầm Non Cao Dương	25.000	150.000	150.000	150.000	10.000			
18	Mầm Non Cao Dương II	25.000	150.000	150.000	150.000	10.000			
19	Mầm Non Xuân Dương	23.000	150.000	150.000	150.000	10.000			
20	Mầm Non Dân Hòa	23.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
21	Mầm Non Hồng Dương	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
22	Mầm Non Đỗ Động	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			

TT	Tên đơn vị	Thu phục vụ bán trú			Thu học phẩm (đồng/học sinh/năm)	Thu nước uống (đồng/học sinh/tháng)	Thu học buổi 2/ngày (đồng/học sinh/tháng)	Thu dạy thêm, học thêm (đơn vị nào đăng ký đánh dấu "X" vào cột này)	Ghi chú
		Tiền ăn (đồng/học sinh/ngày)	Chăm sóc bán trú (đồng/học sinh/tháng)	Trang thiết bị phục vụ bán trú (đồng/học sinh/năm)					
23	Mầm Non Tân Ước	25.000	150.000	MG: 130.000 NT: 150.000	150.000	12.000			
24	Mầm Non Thanh Văn	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
25	Mầm Non Liên Châu	25.000	150.000	150.000	150.000	10.000			
26	Mầm Non Thị trấn Kim Bài	25.000	150.000	150.000	150.000	12.000			
	Khối: Trường Tiểu học								
1	Trường tiểu học Cự Khê	22.000	150.000	100.000		12.000	100.000		
2	Trường tiểu học Bích Hòa	20.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
3	Trường tiểu học Bình Minh A	22.000	150.000	100.000		12.000	100.000		
4	Trường tiểu học Bình Minh B	22.000	150.000	100.000		12.000	100.000		
5	Trường tiểu học Thanh Cao	22.000	150.000	100.000		12.000	100.000		
6	Trường tiểu học Cao viên I	22.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
7	Trường tiểu học Cao viên II	22.000	150.000	100.000		12.000	100.000		
8	Trường tiểu học Tam Hưng	22.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
9	Trường tiểu học Thanh Thùy	22.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
10	Trường tiểu học Mỹ Hưng	22.000	150.000	100.000		12.000	100.000		
11	Trường tiểu học Thanh Mai	22.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
12	Trường tiểu học Kim An	20.000	150.000	100.000		11.000	100.000		
13	Trường tiểu học Kim Thư	22.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
14	Trường tiểu học Phương Trung I	20.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
15	Trường tiểu học Phương Trung II	20.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
16	Trường tiểu học Cao Dương	20.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
17	Trường tiểu học Xuân Dương	20.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
18	Trường tiểu học Dân Hòa					10.000	100.000		
19	Trường tiểu học Hồng Dương	22.000	150.000	100.000		12.000	100.000		
20	Trường tiểu học Đỗ Động					10.000	100.000		
21	Trường tiểu học Tân Ước					10.000	100.000		
22	Trường tiểu học Thanh Văn					10.000	100.000		
23	Trường tiểu học Liên Châu	22.000	150.000	100.000		10.000	100.000		
24	Trường tiểu học Thị trấn Kim Bài	22.000	150.000	100.000		10.000	100.000		

TT	Tên đơn vị	Thu phục vụ bán trú			Thu học phẩm (đồng/học sinh/năm)	Thu nước uống (đồng/học sinh/tháng)	Thu học buổi 2/ngày (đồng/học sinh/tháng)	Thu dạy thêm, học thêm (đơn vị nào đăng ký đánh dấu "X" vào cột này)	Ghi chú
		Tiền ăn (đồng/học sinh/ngày)	Chăm sóc bán trú (đồng/học sinh/tháng)	Trang thiết bị phục vụ bán trú (đồng/học sinh/năm)					
	Khối: TrườngTrung học cơ sở								
1	Trung học cơ sở Cự Khê					12.000		x	
2	Trung học cơ sở Bích Hòa					12.000		x	
3	Trung học cơ sở Bình Minh					12.000		x	
4	Trung học cơ sở Thanh Cao					12.000		x	
5	Trung học cơ sở Cao Viên							x	
6	Trung học cơ sở Tam Hưng					12.000		x	
7	Trung học cơ sở Thanh Thùy					11.000		x	
8	Trung học cơ sở Mỹ Hưng					8.000		x	
9	Trung học cơ sở Thanh Mai					11.000		x	
10	Trung học cơ sở Kim An					10.000		x	
11	Trung học cơ sở Kim Thư					10.000		x	
12	Trung học cơ sở Phương Trung					10.000		x	
13	Trung học cơ sở Cao Dương					10.000		x	
14	Trung học cơ sở Xuân Dương					10.000		x	
15	Trung học cơ sở Dân Hòa					10.000		x	
16	Trung học cơ sở Hồng Dương					10.000		x	
17	Trung học cơ sở Đỗ Động					12.000		x	
18	Trung học cơ sở Tân Ước					10.000		x	
19	Trung học cơ sở Thanh Văn					10.000		x	
20	Trung học cơ sở Liên Châu					10.000		x	
21	Trung học cơ sở Nguyễn Trực					10.000		x	
	Trung tâm GDNN-GDTX					12.000		x	

* Ghi chú:
- Các trường đăng ký dạy thêm, học thêm thực hiện mức thu theo QĐ số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội
- Các trường thực hiện thu không vượt quá mức thu nêu trên./.